

Số: 18/2019/ QĐST-HNGĐ

Kbang, ngày 19 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 189/2018/ TLST-HNGĐ ngày 17/10/2018, giữa:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn B, sinh năm 1959;

Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1959;

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 10, thị trấn K, huyện K, tỉnh G.

-Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

-Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật HN&GD năm 2014;

-Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

-Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11/3/2019;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11/3/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Lê Văn B và bà Lê Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Hai đương sự có 01 con chung tên Lê Hoài T, sinh ngày 30/11/2007. Sau khi ly hôn, hai đương sự thoả thuận giao cháu T cho ông B trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động; do ông B không yêu cầu nên bà T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con vẫn có quyền đến thăm nom con, người trực tiếp nuôi con không được cản trở nếu người không trực tiếp nuôi con không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Hai đương sự đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (LTHADS) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 LTHADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 LTHADS.

- Về tài sản chung:

Trước khi Tòa án tiến hành hòa giải, hai đương sự đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung (*Văn bản thỏa thuận ngày 06/3/2019*) và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong Quyết định, cụ thể như sau:

Tài sản chung được ông Bảy và bà Thảo thống nhất xác định gồm:

- 01 lô đất có diện tích 325m² đất ở tại Tổ dân phố 10 (nay là Tổ dân phố 7), thị trấn K, huyện K, tỉnh G; đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: U 680540 ngày 11/10/2002 đứng tên Lê Văn B; trên đất có 01 căn nhà cấp 4 diện tích 100m² cùng công trình phụ kèm theo và cây cối trồng trên đất.

- 01 lô đất có diện tích 545 m² đất trồng cây lâu năm tại Tổ dân phố 10 (nay là Tổ dân phố 7), thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CN 226129 ngày 23/11/2018 đứng tên Lê Văn Bảy và Lê Thị Thảo.

Hai đương sự tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản chung như sau:

*Nguyên đơn ông Lê Văn Bảy được giao quyền sử dụng, sở hữu đối với tài sản chung sau:

-Được toàn quyền sử dụng đối với 225m² đất ở với chiều rộng 9m, chiều dài 25m thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: U 680540 của Ủy ban nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cấp ngày 11/10/2002; vị trí tứ cận của đất như sau:

Phía Đông: Giáp hẻm Quang Trung;

Phía Tây: Giáp đường Lê Thánh Tông;

Phía Nam: Giáp mương thoát nước (mương nước nằm ở phía Bắc của nhà ông Thu bà Phương);

Phía Bắc: Giáp diện tích đất thỏa thuận giao cho bà T.

Được sở hữu căn nhà cấp 4 xây dựng trên đất có diện tích 100m² cùng toàn bộ công trình phụ và tài sản khác gắn liền với đất.

-Được toàn quyền sử dụng đối với 126m² đất trồng cây lâu năm với chiều rộng 09m, chiều dài 14m tại Tổ dân phố 10 (nay là Tổ dân phố 7), thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CN 226129 ngày 23/11/2018; vị trí tứ cận của đất như sau:

Phía Đông: Giáp đất ở;

Phía Tây: Giáp đường Lê Thánh Tông;

Phía Nam: Giáp nương thoát nước (nương nước nằm ở phía Bắc của nhà ông Thu bà Phương);

Phía Bắc: Giáp diện tích đất thỏa thuận giao cho bà Thảo.

*Bị đơn bà Lê Thị T được giao toàn quyền sử dụng, sở hữu đối với tài sản chung sau:

- Được toàn quyền sử dụng đối với 100m² đất ở (rộng 4m, dài 25m) tại Tổ dân phố 10 (nay là Tổ dân phố 7), thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai, đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: U 680540 ngày 11/10/2002; vị trí tứ cận của đất như sau:

Phía Đông: Giáp đường nội bộ (quy hoạch);

Phía Tây: Giáp đường Lê Thánh Tông;

Phía Nam: Giáp đất và nhà phân chia cho ông Lê Văn B;

Phía Bắc: Giáp diện tích đất vườn của ông H và bà T đang sử dụng.

- Được toàn quyền sử dụng đối với 419m² đất trồng cây lâu năm tại Tổ dân phố 10 (nay là Tổ dân phố 7), thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CN 226129 ngày 23/11/2018; vị trí tứ cận của đất như sau:

Phía Đông: Giáp đường nội bộ (quy hoạch);

Phía Tây: Giáp đường Lê Thánh Tông;

Phía Nam: Giáp đất ở được phân chia cho bà T;

Phía Bắc: Giáp diện tích đất vườn ông H bà T đang sử dụng.

- **Về nợ chung:** Hai đương sự không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

- **Về án phí:** Các đương sự thỏa thuận ông B chịu toàn bộ án phí LH-ST là 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông B đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0006658 ngày 17/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KBang, tỉnh Gia Lai; ông B được hoàn trả lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí LH-ST đã nộp.

Các đương sự không phải chịu án phí DSST đối với việc phân chia tài sản chung theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKS huyện Kbang;
- Các đương sự;
- UBND cấp xã (nơi ĐKKH);
- THA huyện KBang;
- Lưu HSVA, VTTA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Phương